

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số **1144** /QĐ-HVTC ngày **05** /**9**/2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (Tên Tiếng Anh: Finance –Banking)
- MÃ NGÀNH:	7340201
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	NGÂN HÀNG (Tên Tiếng Anh: Banking)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	01.15
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) Ngân hàng, ngành Tài chính - Ngân hàng (TC-NH) trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có kiến thức chuyên môn về Ngân hàng toàn diện. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ; về kinh tế, tài chính, kế toán, quản lý và quản trị; chuyên sâu về lĩnh vực Ngân hàng trong nước và quốc tế; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý; làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật kinh tế, nguyên lý kế toán để vận dụng và giải quyết các vấn đề trong quá trình làm việc thực tế của lĩnh vực Ngân hàng.

PO3: - Có kiến thức chung của ngành TC-NH và Kinh tế quốc tế để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Ngân hàng

- Có kiến thức chuyên môn khác về lĩnh vực: TC-NH, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Bất động sản, Marketing, Hệ thống thông tin quản lý bổ trợ chuyên sâu cho ngành TC-NH để người học sau khi tốt nghiệp trở thành chuyên gia về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực Ngân hàng thương mại: nghiệp vụ huy động vốn; nghiệp vụ cấp tín dụng; nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng; kinh doanh ngoại tệ và các nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng; có kiến thức quản lý, quản trị ngân hàng trong nước và quốc tế.

- Có kiến thức chuyên sâu về Ngân hàng để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp trong triển khai công việc thực tế ở lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực tài chính, kế toán và kinh doanh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc nhóm một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Ngân hàng, ngành TC-NH của Học viện Tài chính có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc chuyên môn trong các lĩnh vực như Ngân hàng, Tài chính, Kế toán. Cụ thể:

(i) Làm việc tại các loại hình ngân hàng (ngân hàng thương mại; ngân hàng chính sách xã hội; ngân hàng phát triển; ngân hàng hợp tác xã); các tổ chức tín dụng khác (các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính; các quỹ tín dụng nhân dân; các tổ chức tài chính vi mô); Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Các vị trí việc làm gồm:

- Chuyên viên quan hệ khách hàng, thẩm định và quản lý tín dụng.

- Giao dịch viên, kế toán viên, kiểm soát viên nội bộ, kiểm toán viên nội bộ trong ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Chuyên viên quản lý rủi ro, chuyên viên quản lý nguồn vốn, chuyên viên quản trị tài sản – Nợ, chuyên viên tại trung tâm ngân hàng số,

- Chuyên viên đầu tư, chuyên viên thanh toán quốc tế.

- Chuyên viên phân tích; tư vấn đầu tư, quản lý quỹ đầu tư, ...

(ii) Chuyên viên nghiệp vụ, quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chuyên viên quản lý trong lĩnh vực Ngân hàng tại Bộ/Sở Tài chính

(iii) Chuyên viên kinh doanh, chuyên viên tư vấn, chuyên viên phân tích; quản lý tại các doanh nghiệp tài chính khác: công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ....

(iv) Đảm nhận công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

(v) Đảm nhận công tác tài chính, kế toán tại các loại hình doanh nghiệp khác.

- Đặc biệt với hệ thống môn học hỗ trợ giúp người học có thể thực hiện công tác tài chính, kế toán tại các loại hình doanh nghiệp phi tài chính

- Làm kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ của ngân hàng và các tổ chức tín dụng; kiểm toán viên trong lĩnh vực ngân hàng tại các công ty kiểm toán độc lập.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Ngân hàng, ngành TC-NH đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Ngân hàng; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiên bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên - xã hội, pháp luật, biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Hiểu và vận dụng được các nguyên lý ứng dụng CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững được kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc, bảo vệ Tổ quốc.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được nội dung cơ bản của nguyên lý kinh tế học, từ đó phân tích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kế toán, tài chính, tiền tệ, quản lý tiền tệ - ngân hàng, kinh tế lượng, pháp luật kinh tế; kiến thức cốt lõi về TC-NH để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết được các vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực TC-NH.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực TC-NH trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được các kiến thức toàn diện trong ngành TC-NH: Thuế, Hải quan, Tài chính quốc tế, Tài chính doanh

ngành căn bản, Thị trường tài chính, Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính, Phân tích tài chính căn bản, Kinh tế quốc tế tạo nền tảng cho nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực ngân hàng.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: tài chính, kế toán, bảo hiểm, kiểm toán, marketing, bất động sản, hệ thống thông tin quản lý trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để bổ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Ngân hàng; giúp người học có cơ hội làm việc rộng mở trong lĩnh vực tài chính, kế toán và bảo hiểm

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản chuyên sâu về ngân hàng để phác thảo, nắm vững được nguyên tắc chung của lĩnh vực Ngân hàng và ứng dụng phần mềm để thực hành nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về: Tín dụng ngân hàng, Quản trị rủi ro trong ngân hàng, Kế toán ngân hàng, Ngân hàng số, Dịch vụ ngân hàng quốc tế. Cụ thể:

+ Tín dụng ngân hàng: Các quy định pháp lý trong hoạt động cấp tín dụng ngân hàng; Quy trình cấp tín dụng của ngân hàng; thẩm định tín dụng; Nghiệp vụ tín dụng khách hàng doanh nghiệp; Nghiệp vụ tín dụng khách hàng cá nhân; Thực hành nghiệp vụ tín dụng ngân hàng.

+ Quản trị rủi ro trong ngân hàng: Khái quát về các loại rủi ro trong ngân hàng; quản trị rủi ro tín dụng; quản trị rủi ro thanh khoản; quản trị rủi ro lãi suất; quản trị rủi ro hối đoái; quản trị rủi ro hoạt động trong ngân hàng.

+ Kế toán ngân hàng: Tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng; Kế toán nguồn vốn của ngân hàng thương mại; Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại; Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và nghiệp vụ đầu tư của ngân hàng thương mại; kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng; Báo cáo và phân tích báo cáo của NHTM; Kế toán các nghiệp vụ và báo cáo tài chính của ngân hàng trung ương.

+ Ngân hàng số: Giới thiệu về ngân hàng số, nền tảng công nghệ ngân hàng, khuôn khổ pháp lý ngân hàng số, an ninh mạng và bảo mật ngân hàng số; trải nghiệm khách hàng.

+ Dịch vụ ngân hàng quốc tế: các nguyên tắc, điều kiện thanh toán quốc tế; Nội dung, kỹ thuật xử lý nghiệp vụ các phương thức thanh toán thư tín dụng chứng từ, ủy thác thu, chuyển tiền; nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng.

PLO8: Xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp tại các loại hình ngân hàng, các tổ chức tín dụng; tại trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Ngân hàng; am hiểu lĩnh vực tài chính, kế toán, kinh doanh hỗ trợ chuyên ngành; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; soạn thảo văn bản chuẩn mực; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh biện, thấu hiểu; có kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc nhóm

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe; có tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; có thể làm việc một cách độc lập; có thể tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực ngân hàng.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo và khởi nghiệp, phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; có trách nhiệm xã hội.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng HỒ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30	
13	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	30	
14	SOC0248	Xã hội học	2	30	
15	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
		Phần tự chọn	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23	AED0355	Cầu lông	2	60	
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thế dục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
31	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
32	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
33	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	60	
34	BCM1001	Quản lý tiền tệ ngân hàng	2	30	
35	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	TAX0215	Thuế	2	30	
37	CUS0030	Hải quan	2	30	
38	IFI0191	Tài chính quốc tế	2	30	
39	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
40	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
41	FFA0140	Phân tích và dự báo dữ liệu tài chính	2	30	
42	BFA0110	Phân tích tài chính căn bản	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
43	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
44	CMB0110	Ngân hàng thương mại	2	30	
45	BAA0121	Kế toán ngân hàng	3	45	
46	BAC0160	Tín dụng ngân hàng	4	60	
47	RMB1001	Quản trị rủi ro trong ngân hàng	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>		
48	DLB0210	Digital Banking (Ngân hàng số)	2	30	
49	IBS0200	Dịch vụ ngân hàng quốc tế	2	30	
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
50	INS0001	Bảo hiểm	2	30	
51	CCI0210	Đầu tư vốn của doanh nghiệp	3	45	
52	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
53	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>8</i>		
		<i>Nhóm 1</i>	<i>2</i>		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	<i>6</i>		
59	BAP1000	Nguyên lý thẩm định giá	2	30	
60	GMA0111	Marketing căn bản	2	30	
61	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	30	
62	IIM0163	Đầu tư quốc tế	2	30	
63	IEC0033	Internet và thương mại điện tử	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
64	ICB0001	Kiểm soát nội bộ ngân hàng thương mại (Internal Controls in commercial banks)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65	SPR0115	Thực tập tốt nghiệp - 01.15	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong chương trình đào tạo.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,...nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Ngân hàng (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành TC-NH; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Ngân hàng được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA



Đoàn Minh Phụng



TÀI GIẢM ĐỐC

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Nguyễn Đào Tùng